E5-UNIT 9: WHAT DID YOU SEE AT THE ZOO?- Lesson 1

I. Vocabulary

No.	Words	Meaning
1		Hôm qua
2		Đi- Đã đi
3		Nhìn, xem- Đã nhìn xem
4		Voi con
5		Động vật Những động vật
6		Con khỉ Những con khỉ
7		Con hổ
8		Ồn ào
9		Thật sự
10		Nhanh
11		Con trăn Những con trăn
12		Con cá sấu Những con cá sấu
13		Con công Những con công
14		Khỉ đột Những khỉ đột
15		Ở sở thú

LIVEWORKSHEETS

16		Ở công viên
17		Ở rạp xiếc
18		Thông minh
19		Yêu thích
20		Phun
21		Cái vòi
22		Chuột túi

II. Sentence pattern

1. Bạn đã nhìn thấy gì ở sở thú?

   ➔

2. Tôi đã nhìn thấy những con sư tử

   ➔

3. Anh trai của bạn đã nhìn thấy gì ở rạp xiêc?

   ➔

4. Anh ấy đã nhìn những con khỉ và những con công

   ➔

LIVEWORKSHEETS